

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST

Ngày: 31/5/2022

V/v tranh chấp chia thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thu
2. Bà Dương Thị Hồng Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Mai, Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2022; tại Hội trường của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp chia thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-DS ngày 15/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐST-DS ngày 28/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2022/QĐST-DS ngày 28/4/2022; Thông báo dời ngày xét xử số 23/2022 ngày 04/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1- Bà Lê Thị Th, sinh năm 1961; Địa chỉ: thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2- Bà Đào Thị L, sinh năm 1967; Địa chỉ: thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3- Chị Đào Thị Truyền Th, sinh năm 1988; Địa chỉ: thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

4- Anh Đào Hữu T, sinh năm 1991; Địa chỉ: thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

5- Chị Đào Thị T, sinh năm 1994; Địa chỉ: thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

6- Ông Đào Hữu Ng, sinh năm 1951; Địa chỉ: thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Phạm Anh V; Địa chỉ: tổ dân phố, phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 05/3/2021. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đào Hữu X, sinh năm 1960; Địa chỉ: thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Đào Trung T, sinh năm 1982, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 19/7/2021. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Đào Thị Ái L, sinh năm 1945; Địa chỉ: huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Anh V; Địa chỉ: tổ dân phố, phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 06/5/2021. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2021 và đơn đề ngày 12/5/2021 và qua giải quyết vụ án nguyên đơn bà Th, bà L, chị T, anh Th, chị Th, ông Ng và ông V đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Cụ Đào Hữu Kh, sinh năm 1919 (Chết ngày 03/9/2004) và cụ Phan Thị C, sinh 1920 (chết ngày 19/12/2016) hai cụ chung sống cùng nhau và sinh ra được 05 người con, gồm: Đào Thị Ái L, Đào Hữu Ng, Đào Hữu H, (chết 2011) có vợ là Lê Thị Th và có 03 người con là: Đào Thị Truyền T, Đào Hữu T, Đào Thị T), Đào Hữu X và Đào Thị L.

Ngày 03/9/2004, cụ Đào Hữu Kh chết không để lại di chúc

Ngày 19/12/2016, cụ Phan Thị C chết, có để lại di chúc với nội dung để lại $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất tài sản chung với chồng là cụ Đào Hữu Kh (*Có Bản sao Di chúc ngày 07/12/2011 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Số 1 tỉnh Quảng Bình*) cho con dâu là bà Lê Thị Th;

Di sản của cụ Đào Hữu Kh và cụ Phan Thị C để lại gồm:

Thửa đất số 165, tờ bản đồ 46, diện tích: 1156m² (nay còn lại 1060.4m²) trong đó 200m² đất ở, đất vườn 860.4m²; Thửa đất số 183(2), tờ bản đồ 21, diện tích: 345m² đất trồng lúa; Thửa đất số 59, tờ bản đồ 49, diện tích: 220m² đất trồng lúa;

Các thửa đất này cùng được ghi nhận trên cùng một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A1084QSĐĐ/133QĐ-U8(H) do Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (Nay là UBND thành phố Đồng Hới) cấp ngày 23/02/1999 đứng tên ông Đào Hữu Kh.

Di sản đang tranh chấp là thửa đất chỉ có một con đường vào duy nhất là ngõ cụt chạy thẳng vào cổng nhà. Hiện nay bà Thừa cùng các con chị T, anh Th, chị T đang ở trên thửa đất đó đã xây dựng nhà một tầng đồ bằng bê tông.

Cụ Kh chết, không để lại di chúc, vì thế, di sản mà cụ để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất là tài sản chung với cụ C, phần di sản này sẽ được chia đều cho cụ Cội và các con của hai cụ bao gồm: Đào Thị Ái L, Đào Hữu Ng, Đào Hữu H, Đào Hữu X và Đào

Thị L. Tuy nhiên, năm 2011 ông H chết, vì thế di sản ông H sẽ được để lại cho vợ là bà Lê Thị T và các con là Đào Thị Truyền T, Đào Hữu Th, Đào Thị T.

Cụ C chết để lại di chúc với nội dung để lại $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất là tài sản chung với chồng là cụ Đào Hữu Kh cho bà Lê Thị Th.

Hiện nay, các ông, bà gồm: Đào Thị Ái L, Đào Hữu Ng, Lê Thị Th, Đào Thị L, Đào Thị Truyền T, Đào Thị T đã họp bàn, thống nhất với nhau sẽ tặng phần di sản thừa kế của mình cho anh Đào Hữu T (*Con trai của ông Đào Hữu H*). Sau đó các bên có bản khai thay đổi tặng cho bà Lê Thị Th.

Riêng đối với ông Đào Hữu X (*Bị đơn*) thì muốn được nhận di sản thừa kế là tách riêng ra cho ông X1 thửa đất để ông sử dụng nhưng toàn bộ anh, chị, em trong gia đình không đồng ý. Vì cho rằng, *thứ nhất*, ông X đã được bố mẹ tặng cho riêng 01 thửa đất ngay trước thửa đất đang tranh chấp để sinh sống, đã có phân phúc lộc mà bố mẹ để lại; *thứ hai*, thửa đất thừa kế này được sử dụng giống như từ đường, nhà thờ họ để thờ cúng ông bà, tổ tiên và anh em, họ hàng lui tới khi có việc gia đình; *thứ ba*, thửa đất này không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định của pháp luật đất đai.

Kể từ khi cụ Đào Hữu Kh, cụ Phan Thị C và con trai là ông Đào Hữu H chết, gia đình đã nhiều lần họp, trao đổi, bàn bạc, tìm các phương án để chia thừa kế, tuy nhiên đến nay vẫn chưa thể thống nhất được với nhau, gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn, tranh cãi gay gắt, không thể tự thỏa thuận với nhau được.

Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn, kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xem xét và giải quyết các vấn đề sau:

1. Chia thừa kế theo quy định của pháp luật phần của cụ Kh đối với di sản là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 165, tờ bản đồ 46 (Nay thửa đất số 69 tờ bản đồ số 19 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1156m², diện tích còn lại đang sử dụng là 1060.4m², để chia cho 5 phần là con của cụ Kh, cho Đào Hữu N; Đào Thị Ái L; Đào Hữu H (Chết 2011) có vợ: Lê Thị Th, con Đào Thị Truyền T, Đào Hữu T, Đào Thị T; Đào Hữu X; Đào Thị L.

Diện tích đất của cụ C có di chúc cho bà Th các hàng thừa kế đều đồng ý không có tranh chấp.

Tài sản trên của thửa đất số 165 (Số 69) như nhà cửa cây cối hoa màu là của gia đình bà Thừa.

Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 21, diện tích 345m²; Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 49, diện tích 220m² đây là đất ruộng lúa qua hoà giải và tại phiên toà các đồng thừa kế không yêu cầu chia.

** Ý kiến của bị đơn ông Đào Hữu X do anh Đào Trung Tn đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Di sản của cụ Đào Hữu Kh và cụ Phan Thị C để lại gồm:

- Thửa đất số 165, tờ bản đồ 46, diện tích: 1156m² đất ở và đất vườn.
- Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 21, diện tích 345m²; Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 49, diện tích 220m². Hiện nay bà Th đang trồng lúa không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các thửa đất này cùng được ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A1084QSDĐ/133QĐ-U8(H) do Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Hới (Nay là UBND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình) cấp ngày 23/02/1999.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, đồng thời để thực hiện phương án hòa giải mà phía nguyên đơn đề nghị, đại diện cho ông Đào Hữu X, kính đề nghị Quý Tòa xem xét và giải quyết các vấn đề sau:

Trong tổng diện tích đất còn lại 1060.4m², trong đó $\frac{1}{2}$ là của cụ C đã di chúc cho bà Th các hàng thừa kế đều đồng ý, còn lại $\frac{1}{2}$ của cụ Kh, giao cho ông X khoảng 70m² phần diện tích còn lại các hàng thừa kế giao cho con trai bà Th là Đào Hữu T.

Tài sản trên thửa đất 165 (nay thửa 69) là của gia đình bà Th

** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Ái L do ông Phạm Anh V đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:*

Đồng ý như ý kiến của các nguyên đơn trình bày.

Tại bản tự khai ngày 15/02/2022 của bà L, anh Th, chị T, ông Ng, chị Th và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông V trình bày trước đây đồng ý giao phần di sản được hưởng cho anh Th. Tuy nhiên hiện nay thay đổi lại giao phần di sản được hưởng cho bà Th.

** Ý kiến của đại diện VKS tại phiên tòa:* Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đã tuân theo theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ theo các quy định tại Điều 632; Điều 632; Điều 633; Điều 634, Điều 635, Điều 636, Điều 645; Điều 646, Điều 648; Điều 649; Điều 650, Điều 652; Điều 653; Điều 657; Điều 658; Điều 674, khoản 1 Điều 676; Điều 677, Điều 685 Bộ luật dân sự 2005.

Mục 1 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của ông Kh, cụ C theo quy định. Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỉ phần thừa kế tài sản giữa bà Đào Thị L, Đào Thị Truyền T, Đào Hữu T, Đào Thị T, Đào Hữu Ng, Đào Thị Ái L với bà Lê Thị Th. Bà Th phải trả giá trị tương ứng với kỷ phần thừa kế cho ông X đã được chia. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản thừa kế, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, căn cứ vào quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, của BLTTDS nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[2] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Sau đó, Tòa án thông báo cho các bên đương sự đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng các bên không thoả thuận được về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án ra Quyết định xét xử vụ án số: 19/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐST-DS ngày 28/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2022/QĐST-DS ngày 28/4/2022; Thông báo dời ngày xét xử số 23/2022 ngày 04/5/2022. Tại phiên bà ông X bị đơn và người được ông X uỷ quyền ông T vắng mặt. HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nguồn gốc thửa đất: Cụ Đào Hữu Kh, sinh năm 1919 (Chết ngày 03/9/2004) và cụ Phan Thị C sinh 1920 (chết ngày 19/12/2016) chung sống cùng nhau hai cụ tạo dựng được khối tài sản gồm:

Thửa đất số 165, tờ bản đồ 46, (nay thửa 69, tờ bản đồ 19) diện tích: 1156m², trong đó 200m² đất ở, đất vườn 956m², sau khi thẩm định định giá diện tích đất thực tế còn lại là 1060.4m² đã có khuôn viên riêng, trong đó 200m² đất ở, đất vườn 860.4m²; Thửa đất số 183(2), tờ bản đồ 21, diện tích: 345m² đất trồng lúa; Thửa đất số 59, tờ bản đồ 49, diện tích: 220m² đất trồng lúa. Các thửa đất này cùng được ghi nhận trên cùng một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A1084QSDĐ/133QĐ-U8(H) do Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (Nay là UBND thành phố Đồng Hới) cấp ngày 23/02/1999 đứng tên cụ Đào Hữu Kh.

Các tài sản khác như nhà cửa của hai cụ hiện nay không còn do bị hư hỏng.

Tại phiên toà cũng như các lần hoà giải người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết để chia thừa kế là thửa đất số 165, tờ bản đồ 46, (nay thửa 69, tờ bản đồ 19) diện tích sau khi thẩm định định thực tế còn lại là 1060.4m², trong đó 200m² đất ở, đất vườn 860.4m².

[4] Về thửa đất số 183(2), tờ bản đồ 21, diện tích: 345m² đất trồng lúa; Thửa đất số 59, tờ bản đồ 49, diện tích: 220m² đất trồng lúa nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không yêu cầu chia thừa kế.

[5] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “...*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, ..., kể từ thời điểm mở thừa kế*, tính đến ngày 06/4/2021 là ngày các nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản của cụ Kh, C để lại. Cụ Kh chết tháng 9 năm 2004, từ khi chết đến khi khởi kiện 17 năm nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Cụ C chết tháng 12 năm 2016, từ khi chết đến khi khởi kiện 05 năm nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[6]. Về hàng thừa kế của cụ Kh, cụ C: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651, 652 Bộ luật dân sự hàng thừa kế thứ nhất gồm có 5 người:

Đào Thị Ái L; Đào Hữu Ng; Đào Hữu H; (chết 2011) có vợ là Lê Thị Th và có 03 người con là: Đào Thị Truyền T, Đào Hữu T, Đào Thị T); Đào Hữu X và Đào Thị L.

[7]. Tài sản của cụ Kh và cụ C để lại các hàng thừa kế và đã thống nhất về giá trị tài sản và số lượng như sau: Thửa đất số 165, tờ bản đồ 46, (nay thửa 69, tờ bản đồ 19) diện tích sau khi được Cơ quan Nhà nước có thẩm định xem xét tại chỗ diện tích còn lại là 1060.4m², trong đó 200m² đất ở, đất vườn 860.4m², để chia thừa kế. Tài sản này được hai cụ tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân nên cụ Kh được ½ giá trị tài sản; Cụ C được ½ giá trị tài sản.

[8] Chia bằng hiện vật: Diện tích đất 1060.4m² : 2 = 530.3m² trong đó 100m² đất ở, đất vườn 430.2m². Cụ Kh được ½ thửa đất là 530.3m², trong đó 100m² đất ở, 430.3m² đất trồng cây lâu năm; Cụ C được ½ thửa đất là 530.3m², trong đó 100m² đất ở, 430.3m² đất trồng cây lâu năm

[9] Chia bằng giá trị: Theo Biên bản định giá tài sản ngày 19/10/2021 Hội đồng định giá tài sản đã định giá đất ở có giá 765.000 đồng/1m² (200m² x 765.000 đồng = 153.000.000 đồng); Đất trồng cây lâu năm có giá 39.000 đồng/1m² (860.4m² x 39.000 đồng = 33.555.600 đồng); Tổng giá trị tài sản 153.000.000 đồng + 33.555.600 đồng = 186.555.600 đồng : 2 = 93.277.800 đồng; Cụ Khuân được ½ số tiền 186.555.600 đồng là 93.277.800 đồng; Cụ Cội được ½ số tiền 186.555.600 đồng là 93.277.800 đồng.

[10] Về di sản của cụ Kh: Cụ Kh chết năm 2004 không để lại di chúc căn cứ theo Điều 660 BLDS để phân chia di thừa kế theo pháp luật. Di sản của cụ Kh để lại ½ thửa đất là 530.3m², trong đó 100m² đất ở, 430.3m² đất trồng cây lâu năm, tính bằng tiền 93.277.800 đồng. Hàng thừa kế thứ nhất của Cụ Kh gồm: Cụ C, bà L, ông Ng, ông H; (chết 2011) (hàng thừa kế của ông H có vợ bà Th và có 03 người con là chị T, anh T, chị T), ông X và bà L. Nhưng hiện nay cụ C đã chết nên chia cho 5 người con vì khi cụ C chết chỉ di chúc lại cho bà Thừa ½ thửa đất, phần di sản được hưởng của cụ Khuân không có di chúc lại cho bà Th.

Chia theo hiện vật mỗi phần 530.2m² : 5 = 106.04m² đất.

Chia bằng giá trị mỗi phần 93.277.800 đồng : 5 = 18.655.560 đồng.

[11] Về di sản của cụ C: Cụ C chết năm 2016 trước khi chết cụ để lại di chúc. Nội dung di chúc thể hiện ý chí của cụ C tặng cho con dâu bà Lê Thị Th ½ thửa đất số 69, tờ bản đồ số 19 diện tích là 530.3m², trong đó 100m² đất ở, 430.3m² đất trồng cây lâu năm, tính bằng tiền 93.277.800 đồng. Như vậy, tài sản trên cụ C được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân với cụ Kh đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Cụ Kh chồng cụ, trước khi chết cụ tự định đoạt ½ khối tài sản chung của vợ chồng là đúng với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Cụ lập di chúc trước khi chết được Công chứng ngày 07/12/2011 theo Điều 625, 626, 627, khoản 4 Điều 628 và Điều 636 Bộ luật dân sự, tại phiên toà cũng như qua hoà giải các hàng thừa kế thừa nhận việc cụ C tặng cho bà Th không có tranh chấp, di sản của cụ C, cụ đã tự định đoạt

và tặng cho bà Th đúng với quy định của pháp luật, cần chấp nhận di chúc trên được coi là hợp pháp.

[12] Về phần di sản của bà L, ông Ng, ông X và bà L được hưởng phần di sản của cụ Kh để lại mỗi phần là 106.04m² đất, chia bằng tiền là 18.655.560 đồng. Qua giải quyết vụ án tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền bà L, ông Ng và bà L đồng ý giao phần di sản này cho bà Lê Thị Th sử dụng. Đối phần di sản của ông H được hưởng nhưng ông H chết hàng thừa kế của ông H có vợ bà Th và 03 con là chị Th, anh Th, chị Th đã đồng ý giao phần của mình cho bà Th sử dụng. Cần công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

[13] Đối với phần di sản của ông X được hưởng của cụ Kh là 106.04m² đất, chia bằng tiền là 18.655.560 đồng. Tại phiên toà ông X vắng mặt lúc hoà giải ông X xin nhận bằng hiện vật. Tuy nhiên, hiện nay phần đất chia thừa kế chỉ có một đường vào thửa đất bao quanh bởi các thửa đất khác, hơn nữa hiện nay nhà cấp 4 đồ 01 tầng nằm sát đường vào nhà không thể mở đường vào phía trong thửa đất để chia cho ông X được, nếu mở đường dẫn đến sát nhà bà Th, không có sân ảnh hưởng đến sự sinh hoạt của nhà bà Th. Hơn nữa, nhà của ông X đang ở trước đây có nguồn gốc của cụ Kh và cụ C đã cho để ở, hiện ông X chia thành 3 thửa gồm ông X 1 thửa còn lại 02 thửa còn lại con của ông X là anh H và anh T đang ở nên giao bằng giá trị 18.655.560 đồng cho ông X là phù hợp.

[14] Di sản của bà Th sau khi được nhận bằng hiện vật gồm của cụ C tặng cho 530.3m² đất, bà Liên 106.04m² đất, ông Ng 106.04m² đất, ông X 106.04m² đất, bà L 106.04m² đất, H 106.04m² đất. Tổng cộng bà Th được nhận là 1060.4m², trong đó, trong đó 200m² đất ở, đất vườn 860.4m². (về kích thước của các cạnh căn cứ theo sơ đồ hiện trạng thửa đất)

[15]. Về chi phí thẩm định, định giá: bà Th đã nộp 2.500.000đ đã chi cho Hội đồng định giá bà Th tự nguyện chịu toàn bộ chi phí nên không xem xét giải quyết.

[16] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Thừa phải chịu án phí trên tổng số tiền được hưởng phần của bà L 18.655.560 đồng ông Ng 18.655.560 đồng, ông X 18.655.560 đồng, bà L 18.655.560 đồng, H 18.655.560 đồng. Tổng cộng bà Th được nhận là 93.277.800 đồng x 5% = 4.663.000 đồng. Trừ số tiền đã nộp 2.250.000 đồng còn thiếu 2.413.000 đồng buộc bà Th nộp tiếp. Bà Th sinh năm 1961 trên 60 tuổi nhưng không có đơn miễn án phí nên phải chịu nộp để sung quỹ Nhà nước.

- Ông X phải chịu án phí trên tổng số tiền được hưởng 18.655.560 đồng x 5% = 932.000 đồng, ông X sinh năm 1960 trên 60 tuổi nhưng không có đơn miễn án phí nên phải chịu nộp để sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 623, 625, 626, 627, khoản 4 Điều 628, 636, 649, 650, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651, 652, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Th, bà Đào Thị L, chị Đào Thị Truyền T, anh Đào Hữu T, chị Đào Thị T, về việc “Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế”.

2. Xác định hàng thừa kế của cụ Đào Hữu Kh có vợ cụ C và 5 người con gồm: Bà Đào Thị Ái L, ông Đào Hữu Ng, ông Đào Hữu H (chết có vợ bà Th và có 03 người con là chị T, anh T, chị T), ông Đào Hữu X, bà Đào Thị L.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đào Thị Ái L, ông Đào Hữu Ng, ông Đào Hữu X, bà Đào Thị L, chị Đào Thị Truyền T, anh Đào Hữu T, chị Đào Thị T, giao toàn bộ phần di sản của mình được hưởng cho bà Lê Thị Th.

4. Di chúc của cụ Phan Thị C được lập ngày 07/12/2011 được công chứng ngày 07/12/2011, cụ C đã giao ½ thửa đất số 165, tờ bản đồ 46, (nay thửa 69, tờ bản đồ 19), địa chỉ thửa đất tại xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới là hợp pháp.

5. Giao cho bà Lê Thị Th được quyền sử dụng thửa đất số 165, tờ bản đồ 46, (nay thửa 69, tờ bản đồ 19), diện tích đất 1060.4m², trong đó đất ở 200m², đất trồng cây lâu năm 860.4m², địa chỉ thửa đất thôn 2, xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới, được UBND thị xã Đồng Hới (Nay UBND thành phố Đồng Hới) tỉnh Quảng Bình, cấp giấy chứng nhận quyền sử đất vào ngày 23/02/1999 mang tên ông Đào Hữu Kh. *(Về kích thước các cạnh của thửa đất được thể hiện tại sơ đồ Đo đạc hiện trạng sử dụng đất).*

6. Trên diện tích đất của bà Lê Thị Th được sử dụng có 03 ngôi nhà: 01 nhà cấp 4 có diện tích 65.9m²; 01 nhà cấp 4 có diện tích 67.7m²; 01 nhà tạm có diện tích 10.8m² là tài sản của bà Th các bên không có tranh chấp, không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

7. Buộc bà Lê Thị Th trả giá trị một phần thừa kế được hưởng cho ông Đào Hữu X với số tiền 18.655.600 đồng.

8. Toà án không xem xét giải quyết thửa đất số 183(2), tờ bản đồ 21, diện tích: 345m² đất trồng lúa; Thửa đất số 59, tờ bản đồ 49, diện tích: 220m² đất trồng lúa, đại chỉ thửa đất tại xã nghĩa Ninh là tài sản của cụ Kh, cụ C do các đương sự không yêu cầu.

9. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

10. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn bà Lê Thị Th phải chịu án phí 4.663.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 2.250.000 đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001930 ngày 17/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới. Số

tiền còn thiếu 2.413.000 đồng buộc bà Lê Thị Th phải nộp đủ để sung quỹ Nhà nước.

- Xử buộc ông Đào Hữu X phải chịu án phí 932.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 31/5/2022, Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP.Đồng Hới;
- Lưu án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc